

DI SẢN CẢNH QUAN PHÁP TRONG TIẾN TRÌNH XANH HÓA ĐÔ THỊ VIỆT NAM: TRƯỜNG HỢP HÀ NỘI VÀ SÀI GÒN

Chu Mạnh Hùng *

Ngày nhận bài: 12 tháng 8 năm 2025

Ngày nhận bài sửa: 01 tháng 12 năm 2025; Ngày duyệt đăng: 19 tháng 12 năm 2025

TÓM TẮT

Bài viết phân tích vai trò của di sản cảnh quan thời thuộc địa Pháp trong việc hình thành và thúc đẩy tiến trình xanh hóa đô thị Việt Nam, tập trung vào hai trường hợp điển hình là thành phố Hà Nội và Sài Gòn (Thành phố Hồ Chí Minh). Bằng phương pháp tiếp cận liên ngành, kết hợp với tri thức lịch sử đô thị, kiến trúc cảnh quan và bảo tồn di sản, nghiên cứu sử dụng bản đồ lịch sử, tài liệu lưu trữ và các công trình nghiên cứu trước đây để xác định những đóng góp cụ thể của chính quyền thuộc địa Pháp trong việc du nhập khái niệm công viên công cộng, quy hoạch đại lộ cây xanh và thiết lập hệ thống không gian xanh đô thị tại Việt Nam. Kết quả cho thấy, người Pháp không chỉ biến đổi, kiến tạo cấu trúc không gian của hai đô thị trong quy hoạch, thiết kế, mà còn đặt nền móng cho một hệ thống không gian xanh bền vững được bảo tồn, thích ứng và phát triển trong giai đoạn hậu thuộc địa. Di sản cảnh quan Pháp từ những hàng cây cổ thụ đến các vườn hoa, công viên lịch sử đã trở thành một phần không thể thiếu của bản sắc và hạ tầng sinh thái đô thị. Do vậy, nghiên cứu hướng tới việc cung cấp một góc nhìn toàn diện hơn về di sản cảnh quan đô thị, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát huy giá trị các mảng xanh quý giá cho mục tiêu xây dựng đô thị bền vững, nhân văn, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Từ khóa: di sản cảnh quan; xanh hóa đô thị; không gian xanh đô thị; kiến trúc cảnh quan; sinh thái đô thị.

FRENCH LANDSCAPE HERITAGE IN THE URBAN GREENING PROCESS OF VIETNAM: THE CASE OF HANOI AND SAIGON

Chu Mạnh Hùng

Received: August 12, 2025

Revised: December 1, 2025; Accepted: December 19, 2025

ABSTRACT

This paper analyses the role of French colonial landscape heritage in shaping and promoting the urban greening process in Vietnam, focusing on two representative cases: Hanoi and Saigon (Ho Chi Minh City). Using an interdisciplinary approach that combines urban history, landscape architecture, and heritage conservation, the study draws on historical maps, archival documents, and previous research to identify the specific contributions of the

* Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, Đại học Quốc gia Hà Nội
Email: hungchu@vnu.edu.vn

French colonial administration in introducing the concept of public parks, planning tree-lined boulevards, and establishing urban green space systems in Vietnam. The findings reveal that the French not only transformed and designed the spatial structure of these two cities but also laid the foundation for a sustainable green space network that has been preserved, adapted, and further developed in the post-colonial period. French landscape heritage – from century-old tree-lined avenues to historic gardens and parks – has become an integral part of urban identity and ecological infrastructure. Therefore, the study aims to provide a more comprehensive perspective on urban landscape heritage, while emphasizing the importance of preserving and enhancing the value of precious green spaces to achieve sustainable, human-centered cities that are resilient to climate change.

Keywords: *landscape heritage; urban greening; urban green space; landscape architecture; urban ecology.*

1. GIỚI THIỆU

Trong gần một thế kỷ thực dân (1858–1954), chính quyền Pháp đã để lại những dấu ấn sâu đậm lên diện mạo đô thị Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc và cảnh quan cây xanh. “Di sản cảnh quan Pháp” bao gồm các công viên, vườn hoa, đại lộ rợp bóng cây và các công trình kiến trúc gắn liền với cảnh quan sân vườn, hiện diện nổi bật tại các đô thị lớn như Hà Nội và Sài Gòn (TP. Hồ Chí Minh). Trước khi người Pháp đến, khái niệm “vườn công cộng”, “công viên đô thị” hầu như chưa tồn tại trong văn hóa “quy hoạch” đô thị Việt Nam. Bài viết giúp làm rõ cách thức người Pháp du nhập và biến đổi không gian xanh đô thị, cũng như cách những di sản cảnh quan đó được tiếp biến trong bối cảnh lịch sử Việt Nam, trong đó tập trung phân tích hai nội dung chính: (1) Những đóng góp cụ thể của chính quyền thuộc địa Pháp trong việc hình thành hệ thống cây xanh, công viên và không gian công cộng ở hai đô thị ngày nay là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; (2) Tiến trình phát triển xanh hóa đô thị tại Việt Nam kế thừa di sản cảnh quan Pháp, bao gồm cả những tiếp biến văn hóa và điều

chỉnh sau năm 1954. Thông qua đó, nghiên cứu làm sáng tỏ vai trò của di sản cảnh quan Pháp trong bản sắc đô thị Việt Nam và những bài học lịch sử cho phát triển đô thị bền vững ngày nay.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp liên ngành, kết hợp với lý thuyết về lịch sử đô thị, kiến trúc cảnh quan và bảo tồn di sản. Nguồn tư liệu thu thập, phân tích lịch sử thời Pháp thuộc bao gồm: các bản đồ quy hoạch Hà Nội và Sài Gòn cuối thế kỷ 19 đến giữa thế kỷ 20; các văn bản, nghị định của chính quyền thuộc địa liên quan đến quản lý cây xanh, công viên; hồi ký, miêu tả của người đương thời về cảnh quan đô thị. Nguồn tư liệu sử dụng cho bài viết được thu thập từ Trung tâm Lưu trữ Quốc gia Việt Nam cũng như từ các công trình nghiên cứu đã công bố. Bài viết sử dụng phương pháp đối chiếu so sánh hai đô thị tiêu biểu là Hà Nội (Thủ đô xứ Bắc Kỳ, sau là Liên bang Đông Dương) và Sài Gòn (thủ phủ Nam Kỳ, sau là trung tâm kinh tế thuộc địa). Hai trường hợp này được chọn vì đều là đầu tàu đô thị dưới thời

Pháp và lưu giữ nhiều dấu ấn cảnh quan vườn công viên đô thị đến ngày nay. Các khía cạnh so sánh bao gồm: bố cục quy hoạch tổng thể (mạng lưới đường, quảng trường, hồ nước), hệ thống công viên vườn hoa và chính sách trồng cây xanh đường phố.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Quy hoạch vườn–công viên đô thị thời thuộc địa: tư tưởng và định hướng của người Pháp

Ngay từ buổi đầu đặt nền thống trị, chính quyền thực dân Pháp đã triển khai những cải tạo quy hoạch đô thị quy mô lớn tại Việt Nam nhằm biến đổi các thành phố bản địa theo mô hình phương Tây hiện đại. Đối với cảnh quan, người Pháp mang đến một cái nhìn mới mẻ về không gian xanh đô thị. Khác với các kinh thành truyền thống vốn coi trọng vườn cảnh nội cung, người Pháp đề cao các không gian xanh công cộng phục vụ cộng đồng đô thị. Họ xem công viên, vườn hoa, đại lộ cây xanh là thành tố thiết yếu của một đô thị văn minh, vừa cung cấp nơi nghỉ ngơi giải trí cho dân cư, vừa cải thiện vi khí hậu và cảnh quan mỹ quan. Một đóng góp quan trọng của người Pháp là đã giới thiệu khái niệm “công viên công cộng” vào Việt Nam. Trước đó, người Việt chưa có thuật ngữ tương đương, mãi đến cuối thế kỷ 20, thuật ngữ “công viên” mới xuất hiện trong văn bản pháp luật Việt Nam (Hạnh, 2015). Trong thực tiễn từ cuối thế kỷ 19, tại Hà Nội và Sài Gòn, chính quyền Pháp đã bắt đầu quy hoạch những khu vườn–công viên công cộng đầu tiên với mục đích nhằm tạo ra các không gian xanh vì sức khỏe, giải trí của người dân, đồng thời bảo vệ môi trường đô thị. Đây là điểm mới đáng kể nếu so với quan niệm truyền thống, nơi không gian xanh chủ yếu hiện diện dưới dạng vườn cung đình, cung vua phủ chúa các nhà quan lại quyền quý hay chứ không dành cho công chúng rộng rãi.

Định hướng quy hoạch các đô thị lớn ở Việt Nam thời thuộc địa cho thấy sự tiếp thu có chọn lọc ảnh hưởng của mô hình Haussmann ở Paris, chủ yếu ở hình thái đại lộ rợp bóng cây cùng các công viên trung tâm. Các kỹ sư và kiến trúc sư Pháp tại Đông Dương xem đô thị thuộc địa là nơi thể nghiệm những ý tưởng quy hoạch tiến bộ: phố xá phải rộng rãi, thẳng hàng, có vỉa hè và cây xanh, bố trí quảng trường, vườn hoa xen kẽ khu dân cư để tạo không gian thông thoáng. Thực tế triển khai ở Hà Nội, Sài Gòn cho thấy sau một, hai thập niên đầu cải tạo, diện mạo các thành phố đã “thay da đổi thịt”: đường đất gồ ghề được thay thế bằng hệ thống đường trải nhựa, hai bên trồng cây xanh thẳng tắp trên vỉa hè rộng, các công trình công cộng kiểu châu Âu mọc lên giữa những khoảng không gian thoáng đãng với sân vườn bao quanh.

Vườn–công viên kiểu Pháp thời kỳ này chịu ảnh hưởng lớn của nghệ thuật làm vườn Baroque thế kỷ 17 do André Le Nôtre khởi xướng. Các khu vườn hình học trang trọng (formal gardens) kiểu Pháp nổi bật với bố cục đối xứng chặt chẽ, hoành tráng, quy mô lớn, khu vườn như một tác phẩm nghệ thuật áp đặt trật tự lên thiên nhiên. Tuy nhiên, khi du nhập vào Việt Nam, chính quyền thuộc địa đã nhận ra yêu cầu thích ứng với điều kiện địa phương từ khí hậu, thổ nhưỡng đến văn hóa bản địa. Triết lý này được người Pháp vận dụng linh hoạt thông qua việc xây dựng những vườn hoa, công viên nhỏ mang dáng dấp vườn kiểu Pháp giữa lòng đô thị nhiệt đới.

Như vậy dưới thời thuộc địa Pháp, một nền tảng quan trọng cho quá trình xanh hóa đô thị Việt Nam đã hình thành. Tư duy quy hoạch phương Tây coi trọng công viên, cây xanh được “gieo hạt” vào mảnh đất đô thị truyền thống. Những định hướng ấy vừa nhằm phục vụ bộ máy cai trị và cư dân Pháp (tạo môi trường sống tiện nghi, đẹp mắt cho người Âu), nhưng cũng để lại lợi

ích lâu dài cho cộng đồng bản địa khi dần dần mở cửa các không gian xanh cho mọi tầng lớp dân chúng.

3.2. Hà Nội: Di sản cảnh quan Pháp trong quá trình chuyển đổi từ đô thị phong kiến sang đô thị thuộc địa

Hà Nội thời Nguyễn là một thành thị truyền thống với Hoàng thành và những phố phường đông đúc, hầu như không có công viên công cộng. Đô thị cổ Hà Nội mang đặc trưng không gian kiến tạo của một thành thị phương Đông: cấu trúc hữu cơ, đường phố nhỏ hẹp, đan xen dạng “phố nghề”, mật độ xây dựng cao cùng kiến trúc nhà ống và sân trong đặc trưng, dù sở hữu nhiều ao hồ tự nhiên nhưng thiếu các không gian công cộng hiện đại. Khi trở thành thủ phủ Bắc Kỳ (và từ 1902 là thủ đô Liên bang Đông Dương), Hà Nội trải qua cuộc “đại phẫu” về quy hoạch dưới tay người Pháp. Về tổng thể, quy hoạch Hà Nội thời thuộc địa Pháp tuân theo mô hình thành phố nhiệt đới kiểu châu Âu: Khu phố Tây được xây dựng mới hoàn toàn ở phía nam và đông hồ Hoàn Kiếm, với mạng lưới đường phố ô bàn cờ, biệt thự, công sở xen kẽ công viên nhỏ và vườn hoa. Khu thành cổ và những phố cổ của người bản xứ ở phía bắc hồ thì gần như giữ nguyên, dẫn đến một đô thị phân vùng rõ rệt (Ren et al., 2024). Không gian xanh trong đô thị thuộc địa phân bố không đồng đều do khác biệt về chức năng giữa hai khu vực: khu phố Pháp mang cấu trúc villa – đại lộ – vườn hoa theo mô hình châu Âu; khu 36 phố phường lại duy trì mô hình thương phố truyền thống có mật độ cao và ít không gian xanh công cộng. Điều này dẫn đến sự chênh lệch rõ rệt trong tiếp cận không gian xanh giữa hai cộng đồng dân cư. Mặc dù vậy, theo thời gian các không gian xanh trong khu phố Pháp đã dần trở thành một phần di sản cảnh quan chung của toàn thành phố.

Một trong những dự án vườn–công viên đầu tiên tại Hà Nội được người Pháp triển khai đó là vườn hoa Paul Bert. Năm 1886, kiến trúc sư Henri Vildieu được giao thiết kế một trục công viên cây xanh theo kiểu châu Âu tại trung tâm Hà Nội (Papin, 2001). Kết quả là vườn hoa Paul Bert (ngày nay là vườn hoa Lý Thái Tổ) hình thành với diện tích khoảng 1,2 ha. Đây có thể xem là không gian xanh công cộng đầu tiên của Hà Nội, mở ra khái niệm vườn hoa đô thị. Việc xuất hiện những bồn hoa, lối dạo, ghế đá ở không gian vườn hoa đánh dấu bước chuyển biến nhận thức về cảnh quan: thiên nhiên không chỉ bó hẹp trong vườn nhà riêng hay chốn cung đình, mà trở thành một hình thức tiện ích công cộng. Sự ra đời của vườn hoa Paul Bert đã tạo “thay đổi lớn trong bộ mặt thành phố”, mở màn cho xu hướng thiết lập hàng loạt vườn hoa, công viên sau đó (Ren et al., 2024). Có thể kể đến vườn hoa Chavassieux (nay là vườn hoa Diên Hồng hay vườn hoa Con Cóc), vườn hoa Robin (vườn hoa Canh Nông, nay là Công viên Lenin), vườn hoa Pasteur... Những vườn hoa này thường có diện tích khiêm tốn (lớn nhất khoảng 900 – 12.000 m²), bố cục đối xứng với đường dạo thẳng và ngang đan ô bàn cờ, hàng cây trồng ngay hàng thẳng lối, bờ viền là bụi cây cắt tỉa hình học (đôi khi tạo hình kim tự tháp, hình tròn), trục trung tâm thường dẫn tới một điểm nhấn (tượng hoặc đài phun nước) (Tran, 2023). Cây trồng trong những vườn này đa phần là cây bản địa hoặc nhập từ vùng nhiệt đới, ít hoa nhiều lá, không đòi hỏi chăm sóc cầu kỳ. Thực dân Pháp muốn tạo những mảng xanh gọn gàng, có trật tự giữa đô thị hơn là vườn hoa rực rỡ tồn công duy trì, chăm sóc. Quy mô nhỏ và tinh tế này phù hợp với nguồn lực hạn chế và mục đích tạo điểm nhấn cảnh quan hơn là phục vụ đông đảo cư dân đô thị. Dẫu vậy, chính những vườn hoa này đã tạo nên mạng lưới không gian xanh quý giá, góp phần giúp Hà Nội

được mệnh danh là một trong những thành phố đẹp nhất châu Á giai đoạn 1925–1935, sánh ngang cùng Tokyo và Thượng Hải (Ánh, 2015).

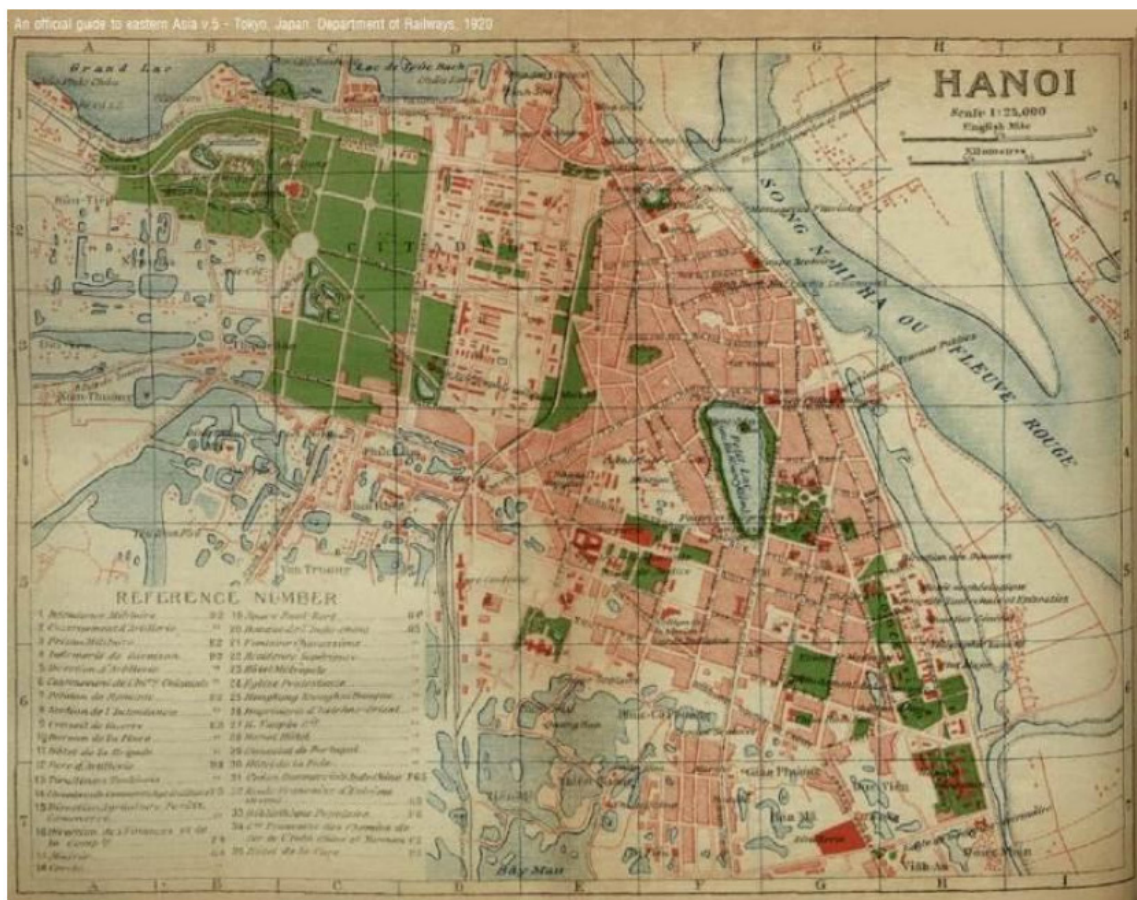
Song song với việc xây dựng vườn–công viên, người Pháp tại Hà Nội rất chú trọng đến cây xanh đường phố (Gwendolyn, 1991). Từ cuối thế kỷ 19, họ đã khảo nghiệm nhiều loài cây đường phố, bài học đầu tiên là cây Phượng vĩ (*Delonix regia*) loài cây nhập nội có nguồn gốc từ Madagascar, được trồng trên phố Tràng Tiền. Tuy nhiên, Phượng vĩ thu hút ve sầu, chúng tạo ra rất nhiều tiếng ồn vào mùa hè, vì vậy nó đã sớm được thay thế. Trong quá trình tìm kiếm những loài cây phù hợp, năm 1888 người Pháp thành lập Vườn bách thảo (Jardin D’essai) rộng 33 ha (Chu, 2020), là vườn ươm cây xanh đô thị đầu tiên và lớn nhất miền Bắc, nơi thử nghiệm và triển khai hàng loạt giống cây bóng mát và cây cảnh cho hệ thống đại lộ, vườn hoa, quảng trường tại Hà Nội từ cuối thế kỷ XIX. Nhờ vườn ươm này, một số cây ngoại lai đã được đưa vào trồng thử ở Hà Nội tiêu biểu như Xà cừ (*Khaya senegalensis* – một loại cây gỗ lớn châu Phi), đồng thời các loài bản địa ưu tú cũng được tuyển chọn như cây Sấu (*Dracontomelon duperreanum*), Sao đen (*Hopea odorata*), Sưa (*Dalbergia tonkinensis*)... Nhờ tuân thủ quy hoạch, diện mạo Hà Nội dần định hình với những đại lộ rợp bóng cây, ví dụ phố Phan Đình Phùng đồng loạt trồng cây Sấu (một loài cây bản địa tán đẹp, rụng lá theo mùa), phố Hoàng Diệu trồng Xà Cừ, phố Lò Đúc trồng Sao đen... Nguyên tắc “mỗi phố một loài cây” đã tạo nên bản sắc riêng cho từng tuyến phố, là minh chứng hùng hồn cho sự sâu sắc, bài bản từ chiến lược chọn loài cây trồng đô thị, chăm sóc tại vườn ươm cho đến thiết kế cây trồng đường phố của người Pháp. Những hàng cây trồng từ thời thuộc địa Pháp, đã đặt nền móng cho hệ

thống cây xanh đô thị Hà Nội, ngày nay trở thành di sản sống, góp phần kiến tạo nên hình ảnh đặc trưng về “nơi chốn” của Thủ đô. Bên cạnh đó, chính quyền thành phố Hà Nội thời thuộc địa cũng ban hành nhiều quy định tiên phong về quản lý cây xanh đô thị. Chẳng hạn, năm 1903, Hà Nội quy định chỉ trồng cây ở những đường phố có vỉa hè rộng trên 3m, và loài cây chọn trồng phải đáp ứng các tiêu chí: cho bóng mát, đẹp về mỹ quan, không tiết nhựa độc, không phát mùi khó chịu và đủ sức chống chịu ảnh hưởng của gió bão (Chu, 2020). Đây là một trong những văn bản pháp lý đầu tiên tại Việt Nam quy định về quản lý cây xanh đô thị, thể hiện tầm nhìn hiện đại trong tổ chức và phát triển hệ thống không gian xanh trong đô thị.

Đóng góp của người Pháp đối với Hà Nội không chỉ thể hiện ở phương diện vật chất như hệ thống cây xanh và vườn hoa, mà còn nằm ở tư duy quy hoạch tích hợp giữa kiến trúc và cảnh quan đô thị (Hình 1). Nhiều công trình kiến trúc thuộc địa được thiết kế hài hòa với không gian xanh xung quanh, ví dụ Phủ Toàn quyền (nay là Phủ Chủ tịch) nằm giữa một khuôn viên rộng, có hồ nước và vườn hoa, Nhà hát Lớn đặt bên quảng trường và vườn hoa Diên Hồng. Ernest Hébrard, kiến trúc sư trưởng Đông Dương thập niên 1920, chủ trương “hòa trộn kiến trúc châu Âu với cảnh quan nhiệt đới”, nhấn mạnh những hàng hiên, mái rộng, sân trong nhiều cây xanh để phù hợp khí hậu Việt Nam. Đây là biểu hiện rõ nét của tư duy kết nối Âu–Á trong quy hoạch: các nhà quản lý và kiến trúc sư Pháp không chỉ tái cấu trúc đô thị theo mô hình đại lộ, quảng trường, và vườn hoa châu Âu, mà còn thể hiện sự thấu hiểu đối với khí hậu nhiệt đới, hệ sinh thái bản địa và các tập quán đô thị truyền thống. Sự kết hợp này giúp chuyển hóa một đô thị cổ phương Đông thành một đô thị mang phong cách phương Tây nhưng

vẫn thích ứng với môi trường tự nhiên và văn hóa bản địa. Quy hoạch Hà Nội năm 1924 của Hébrard đã dành nhiều đất cho công viên, hồ nước, tạo nên bố cục đô thị “xanh” hài hòa giữa kiến trúc thuộc địa và thiên nhiên bản xứ. Mặc dù do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1930, một số kế hoạch của Hébrard không được triển khai, nhưng triết lý quy hoạch của ông vẫn để lại dấu ấn rõ nét, ảnh hưởng trực tiếp tới Đồ án quy hoạch năm 1943 do Louis-

Georges Pineau thực hiện. Trong giai đoạn này, Hà Nội tiếp tục được bổ sung các quảng trường dạng hình sao và mở rộng các mảng xanh trong cấu trúc đô thị (Ren et al., 2024). Chính nền tảng mà người Pháp đã kiến tạo – từ định hướng khái niệm, chính sách quản lý đến hệ thống không gian xanh hiện hữu – đã trở thành tiền đề bền vững để Hà Nội duy trì và phát triển tiến trình xanh hóa trong những giai đoạn sau.



Hình 1: Bản đồ Hà Nội¹ năm 1920

Nguồn: *An official guide to eastern Asia v.5, Department of Railways, Japan, tr.186.*

¹ Nguồn ảnh: *An official guide to eastern Asia v.5, Department of Railways, Japan, trang 186.* Có thể nhận diện các mảng xanh đô thị lớn gồm: Khu vực Thành cổ, Vườn Bách Thảo (Jardin Botanique), Hồ Hoàn Kiếm cùng với hệ thống vườn hoa, quảng trường trong khu phố Pháp.

3.3. Sài Gòn: Di sản cảnh quan Pháp trong quá trình hình thành và phát triển đô thị thuộc địa

Khác với Hà Nội, Sài Gòn thời Nguyễn trước năm 1859 chỉ là một thành trấn nhỏ bên sông, bao quanh bởi kênh rạch và vườn ruộng. Người Pháp sau khi chiếm Sài Gòn đã nhanh chóng cải tạo nơi đây theo mô hình đô thị thuộc địa kiểu mẫu. Nếu Hà Nội có quá khứ nghìn năm văn hiến thì Sài Gòn gần như được “tái sinh” hoàn toàn dưới bàn tay người Pháp. Do đó, ảnh hưởng của người Pháp đối với cảnh quan xanh Sài Gòn thể hiện rõ dấu ấn của một đô thị phương Tây được kiến tạo trên nền địa hình và bối cảnh Á Đông. Trong những năm 1860–1880, chính quyền thuộc địa ở Sài Gòn tập trung vào cải tạo hạ tầng và chỉnh trang đô thị (Trần, 2017). Một trong những bước đi quan trọng đầu tiên là quy hoạch lại hệ thống kênh rạch. Nhiều con kênh tự nhiên được đào mở rộng để thoát nước và thuận tiện cho ghe thuyền đi lại, đồng thời đất từ việc đào kênh được dùng lấp những vùng trũng, cho phép mở đường, xây dựng trên đó. Quá trình này giúp xóa bỏ các vùng đầm lầy, bên cạnh đó người Pháp cũng cho san bằng gò đồi, lấy đất tôn cao mặt bằng phố xá. Chỉ sau hai năm đầu (khoảng 1862–1864), bộ mặt Sài Gòn đã thay đổi rõ rệt: những con đường mòn lầy lội được thay thế bằng đường phố thẳng tắp, trải nhựa, hai bên có vỉa hè rộng được trồng cây xanh (Tâm, 2022). Tại Sài Gòn, người Pháp cũng thử nghiệm nhiều loại cây trồng đường phố, trong đó một số cây đô thị đặc trưng Sài Gòn không phải là cây trồng bản địa Việt Nam. Tiêu biểu là cây me (*Tamarindus indica*), một loài có nguồn gốc từ Đông Phi, được người Pháp đưa vào trồng rộng rãi dọc các tuyến phố trung tâm, hình thành nên những hàng me đặc trưng vẫn hiện diện đến ngày nay. Bên cạnh các

loài cây nhập nội, trong thời kỳ thuộc địa, người Pháp cũng trồng nhiều loài cây bản địa như Dầu (*Dipterocarpus alatus*) và Sao đen (*Hopea odorata*) dọc theo các đại lộ lớn của Sài Gòn. Những loài cây gỗ lớn này không chỉ tạo bóng mát mà còn có thân thẳng, tán cao, góp phần tạo nên vẻ bề thế và trang nghiêm cho các trục giao thông chính. Cho đến ngày nay, nhiều tuyến phố như Trương Định, Điện Biên Phủ, Phạm Ngọc Thạch... vẫn còn lưu giữ những hàng cây dầu và sao đen cổ thụ trên 100 năm tuổi, phản ánh sinh động lớp di sản sống của hệ thống cây xanh đô thị được hình thành từ thời kỳ Pháp thuộc.

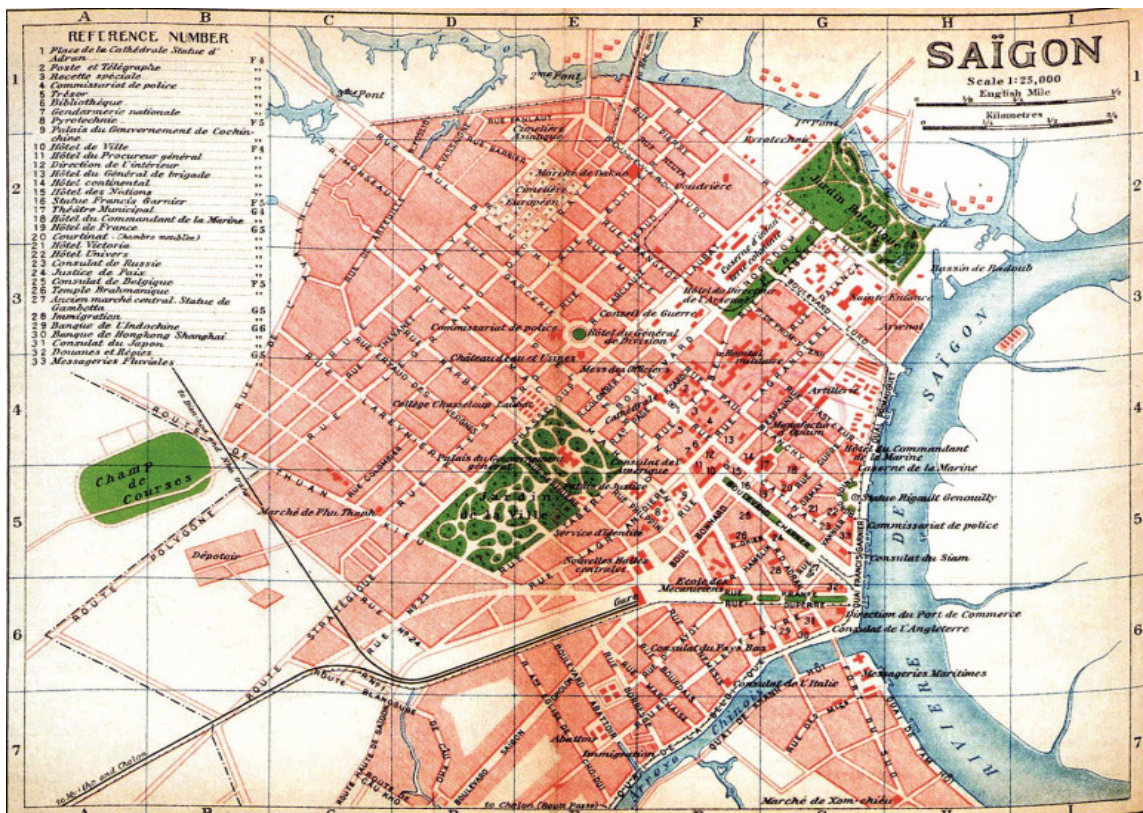
Song song với việc mở rộng mạng lưới đường phố và trồng cây xanh, chính quyền thuộc địa Pháp cũng tiến hành kiến tạo những không gian xanh đặc thù tại trung tâm Sài Gòn. Đáng chú ý nhất là việc thành lập Thảo Cầm Viên, một tổ hợp vườn bách thảo kết hợp sở thú, được xem là một trong những công viên lâu đời nhất châu Á còn hoạt động. Thảo Cầm Viên được khởi công theo quyết định của Thống đốc Nam Kỳ De La Grandière ngày 23/3/1864, với diện tích ban đầu khoảng 12 ha, tọa lạc ven sông Thị Nghè. Mục tiêu ban đầu của khu vườn không chỉ nhằm phục vụ nhu cầu giải trí mà còn hướng tới chức năng nghiên cứu thực nghiệm trong lĩnh vực thực vật học. Đây được xem là đóng góp quan trọng trong lịch sử quy hoạch cây xanh đô thị tại Việt Nam, đánh dấu sự xuất hiện của mô hình “vườn ươm cây đô thị” quy mô lớn đầu tiên, nơi thu thập, chọn giống và lai tạo các loài cây phù hợp với cảnh quan đô thị nhiệt đới.

Một không gian xanh quan trọng khác được hình thành trong thời kỳ Pháp thuộc tại Sài Gòn chính là khu vực công viên Tao Đàn ngày nay. Trong giai đoạn thuộc địa, nơi đây được người dân quen gọi là “Vườn Ông Thượng”, khu vườn và quảng trường

bao quanh Dinh Thống đốc Nam Kỳ (Dinh Norodom, nay là Dinh Độc Lập). Ban đầu, khu vực này nhiều khả năng là không gian biệt lập dành cho giới chức thuộc địa cấp cao, đặc biệt là Thống đốc Nam Kỳ; tuy nhiên, về sau, một phần khu vườn đã được mở cửa cho công chúng và dần định hình như một “vườn thành phố” (Jardin de la Ville). Năm 1900, diện tích Vườn Ông Thượng ước tính khoảng 9 ha, một quy mô đáng kể so với các không gian xanh đô thị cùng thời. Đến những năm 1920, chính quyền thuộc địa tiến hành chỉnh trang khu vực này thành một công viên công cộng hoàn chỉnh với hệ thống lối đi, cây cảnh và các tượng đài nhỏ (Hạnh, 2015). Cùng với Thảo Cầm Viên, công viên Tao Đàn đã đóng vai trò là một trong hai “lá phổi xanh”

chủ đạo của Sài Gòn suốt thời kỳ thuộc địa (theo trục Đông Bắc – Tây Nam trên hình 2), đồng thời tiếp tục phát huy giá trị trong các giai đoạn phát triển đô thị sau đó.

Tương tự như Hà Nội, khu trung tâm Sài Gòn dưới thời Pháp thuộc được điểm xuyết bởi hệ thống vườn hoa và quảng trường công cộng quy mô nhỏ, góp phần định hình cảnh quan đô thị theo tư duy quy hoạch châu Âu. Nhiều không gian xanh được thiết lập trong giai đoạn này đóng vai trò điểm nhấn thị giác và tiếp tục tồn tại đến ngày nay, trở thành một phần sống động của di sản cảnh quan đô thị. Tiêu biểu là Công trường Công xã Paris, vốn là Place de la Cathédrale thời Pháp thuộc, được quy hoạch với bố cục đối xứng, tạo nên một không gian mở trang



Hình 2: Bản đồ Sài Gòn² năm 1920

Nguồn: *An official guide to eastern Asia v.5, Department of Railways, Japan, tr.222.*

² Có thể nhận diện ba mảng xanh đô thị lớn nhất gồm: Vườn thành phố (Jardin de la Ville) nay là Công viên Tao Đàn, Vườn bách thảo và sở thú (Jardin botanique et zoologique) nay là Thảo Cầm Viên và không gian mở Champ de Courses (Trường đua Phú Thọ).

trọng và hài hòa với kiến trúc Nhà thờ Đức Bà. Hồ Con Rùa, nguyên là một nút giao thông lớn trên trục đại lộ Norodom, từng được quy hoạch dưới dạng vòng xoay với tượng đài trung tâm và các dải cây xanh bao quanh, đóng vai trò như một điểm nhấn cảnh quan trong giao thông đô thị. Bên cạnh đó, công trường Mê Linh, trước đây là Place Rigault de Genouilly dưới thời Pháp thuộc, nằm gần bến Bạch Đằng, cũng là một quảng trường công cộng điển hình được quy hoạch với bố cục hình bán nguyệt, mở rộng tầm nhìn về phía sông Sài Gòn. Như vậy, đến giai đoạn cuối thời kỳ thuộc địa (khoảng đầu thập niên 1950), Sài Gòn đã định hình tương đối rõ nét một cấu trúc đô thị xanh đặc trưng bao gồm: mạng lưới đường phố phủ bóng cây xanh, các công viên quy mô lớn (tiêu biểu là Thảo Cầm Viên và Tao Đàn) cùng với hệ thống vườn hoa và quảng trường nhỏ được bố trí xen kẽ trong khu trung tâm. Dù đã trải qua nhiều biến đổi theo thời gian, không thể phủ nhận những không gian xanh này đã góp phần định hình cấu trúc cảnh quan đô thị lịch sử Sài Gòn. Di sản cảnh quan với những mảng xanh cốt lõi do người Pháp kiến tạo, từ hệ thống cây cổ thụ đường phố đến các công viên có tuổi đời hàng thế kỷ, vẫn là nền tảng quan trọng cho quá trình xanh hóa và phát triển bền vững của Sài Gòn – TP. Hồ Chí Minh trong các giai đoạn sau.

3.4. Di sản cảnh quan Pháp và tiến trình xanh hóa đô thị Việt Nam hậu thuộc địa

Sau năm 1954, Việt Nam bước vào giai đoạn hậu thuộc địa với nhiều biến động, song di sản cảnh quan do người Pháp để lại vẫn tiếp tục được định hình và hòa nhập vào tiến trình xanh hóa đô thị, góp phần tạo dựng bản sắc cảnh quan riêng. Tại miền Bắc, Hà Nội được tiếp quản hệ thống cây xanh đường phố đã được trồng và chăm sóc theo quy hoạch thời Pháp, cùng hệ thống công

viên, vườn hoa khoảng 130 ha (Ren et al., 2024). Giai đoạn từ năm 1954 đến những năm 90 của thế kỷ XX, dưới ảnh hưởng của truyền thống xây dựng công viên Liên Xô, Hà Nội đã bổ sung thêm một số công viên lớn đa chức năng, nổi bật nhất là Công viên Thống Nhất 50 ha được xây dựng năm 1960. Từ những năm 1990 đến nay, tiến trình xanh hóa đô thị Hà Nội bước sang một giai đoạn mới, gắn liền với quá trình đổi mới kinh tế và hội nhập quốc tế. Thời kỳ này, tốc độ đô thị hóa nhanh chóng đã tạo áp lực lớn lên quỹ đất và môi trường, đòi hỏi nhu cầu mở rộng không gian xanh công cộng bên ngoài khu vực nội đô. Quy hoạch chung Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn 2050 đặt mục tiêu nâng diện tích cây xanh công cộng lên 11–13 m²/người, phát triển các hành lang xanh, vành đai xanh, nêm xanh cùng hệ thống công viên đô thị, rừng tự nhiên và đất nông nghiệp (Ren et al., 2024). Tuy nhiên, về tổng thể, quy hoạch không gian xanh Hà Nội sau năm 1954, đặc biệt tại vùng lõi nội đô lịch sử, là sự kế thừa trực tiếp từ nền tảng thời thuộc địa Pháp. Cấu trúc đại lộ rợp bóng cây, các trục phố được bố trí xen kẽ vườn hoa, quảng trường và hồ nước, tiếp tục được duy trì gần như nguyên vẹn về hình thái. Những vườn hoa tiêu biểu như Lý Thái Tổ (nguyên là vườn hoa Paul Bert), Diên Hồng (nguyên là vườn hoa Chavassieux) vẫn giữ bố cục hình học, chỉ thay đổi về tên gọi và bổ sung yếu tố cảnh quan mang nội dung lịch sử – văn hóa Việt Nam. Mạng lưới công viên nhỏ, hồ nước công cộng và hàng cây cổ thụ trên các tuyến phố chính vẫn là bộ khung không gian xanh chủ đạo, tạo nên đặc trưng thị giác của khu phố cũ. Nhiều biệt thự Pháp trong khu phố Tây, với khuôn viên cây xanh rộng rãi, vẫn được sử dụng cho mục đích công cộng hoặc ngoại giao, bảo tồn nguyên trạng mảng xanh bao quanh. Điều này cho thấy, dù Hà Nội sau 1954 chịu ảnh hưởng của xu hướng quy hoạch Liên Xô, thì lõi xanh nội đô vẫn

là di sản trực tiếp của thời kỳ thuộc địa, đóng vai trò nền tảng trong tiến trình phát triển không gian xanh của Thủ đô.

Tại Sài Gòn, giai đoạn 1954–1975, chính quyền Việt Nam Cộng hòa tiếp tục chăm sóc các công viên Tao Đàn, Thảo Cầm Viên, Dinh Độc Lập... và mở thêm một số công viên nhỏ. Sau năm 1975, thành phố triển khai quy hoạch cải tạo một số khu đất trống và nghĩa địa cũ thành công viên công cộng, tiêu biểu như Công viên Lê Văn Tám (chuyển đổi từ nghĩa địa Tây) và Công viên 23/9 (trên nền ga xe lửa Sài Gòn cũ). Áp lực của quá trình đô thị hóa nhanh chóng cùng với tốc độ gia tăng dân số đã khiến tỷ lệ diện tích cây xanh bình quân đầu người tại TP. Hồ Chí Minh giảm mạnh vào cuối thế kỷ XX (Hạnh, 2015). Mặc dù vậy, các di sản cảnh quan được hình thành trong thời kỳ Pháp thuộc vẫn được bảo tồn và duy trì ở mức độ đáng kể, trở thành một phần quan trọng trong cấu trúc không gian và bản sắc đô thị Sài Gòn. Hệ thống cây xanh lâu năm trên các trục đường lớn như Đồng Khởi, Lê Duẩn, Pasteur, Nam Kỳ Khởi Nghĩa vẫn giữ được mật độ và độ tàn che lớn, tạo nên “hành lang xanh” vốn có từ thời thuộc địa. Các công viên cả trăm năm tuổi như Thảo Cầm Viên, Công viên Tao Đàn tiếp tục được duy tu và nâng cấp, đóng vai trò là những “lá phổi xanh” của khu trung tâm. Các quảng trường và vườn hoa lịch sử, như Công trường Công xã Paris hay Công trường Mê Linh ven sông Sài Gòn, vẫn duy trì hình thức cảnh quan cơ bản, dù đã có những cải tạo nhằm đáp ứng nhu cầu giao thông và hoạt động cộng đồng hiện đại. Sự tồn tại và phát huy giá trị của các không gian xanh này không chỉ phản ánh tính bền vững của quy hoạch đô thị thời Pháp, mà còn cho thấy chiến lược bảo tồn di sản giúp Thành phố Hồ Chí Minh vừa gìn giữ dấu ấn lịch sử, vừa đáp ứng yêu cầu của một đô thị năng động thế kỷ XXI.

Như vậy, nhiều yếu tố của di sản cảnh quan thời thuộc địa tiếp tục được tái sử dụng và trân trọng trong bối cảnh đô thị hiện đại Việt Nam. Các biệt thự Pháp với khuôn viên rợp bóng cây ở Hà Nội và Sài Gòn đã được chuyển đổi công năng thành bảo tàng, trụ sở cơ quan hoặc nhà khách ngoại giao, trong đó nhiều công trình được xếp hạng bảo tồn nhằm duy trì giá trị kiến trúc và cảnh quan. Hệ thống cây xanh lâu năm, đặc biệt là những hàng cây cổ thụ có ý nghĩa lịch sử, đã được xem xét đưa vào danh mục “cây di sản đô thị” để áp dụng chế độ bảo vệ đặc biệt. Trải qua hơn một thế kỷ, lối sống đô thị gắn với công viên và vườn hoa, vốn xa lạ với cư dân Việt Nam cách đây 150 năm, nay đã trở nên quen thuộc, thậm chí gắn bó mật thiết với đời sống thường nhật. Hình ảnh người dân tập thể dục buổi sáng, đi bộ dưới tán cây cổ thụ hay dạo quanh các hồ công cộng trở thành minh chứng sinh động cho quá trình tiếp biến văn hóa, trong đó những thói quen tốt đẹp du nhập từ phương Tây đã được hòa nhập và bản địa hóa. Không gian xanh đô thị cũng đi vào đời sống tinh thần của người Việt, được lãng mạn hóa trong nhiều tác phẩm văn học, âm nhạc thế kỷ XX (như “Hà Nội mùa thu, cây cơm nguội vàng”, “con đường lá me bay”...), cho thấy từ chỗ là yếu tố ngoại lai thời thuộc địa, không gian xanh đã trở thành một phần linh hồn của đô thị Việt Nam.

Tiến trình xanh hóa đô thị Việt Nam, từ thời thuộc địa đến nay, có thể được xem như một quá trình liên tục, trong đó đóng góp của người Pháp có vai trò khởi nguồn. Di sản cảnh quan Pháp đã và đang giữ chức năng như một “khung nền” định hình cấu trúc không gian xanh, để các giai đoạn sau của đô thị hiện đại kế thừa và phát triển. Những hàng cây cổ thụ, những công viên và vườn hoa được người Pháp trồng và xây dựng không chỉ trở thành một phần ký ức nơi chốn

của đô thị Việt Nam, mà còn là nền tảng sinh thái cho các chiến lược xanh hóa hiện đại. Việc bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản này vừa mang ý nghĩa lịch sử – văn hóa, vừa là giải pháp môi trường thiết thực, đặc biệt trong bối cảnh đô thị hóa nhanh và thách thức biến đổi khí hậu hiện nay.

4. KẾT LUẬN

Tư tưởng và định hướng quy hoạch vườn – công viên đô thị của người Pháp đã để lại những tác động sâu sắc và đa chiều đến tiến trình xanh hóa đô thị ở Việt Nam. Trong giai đoạn 1858–1954, chính quyền thuộc địa Pháp đã du nhập vào Việt Nam những khái niệm mới về không gian xanh đô thị, cụ thể hóa bằng việc kiến tạo các công viên công cộng đầu tiên, trồng cây xanh trên quy mô lớn và lồng ghép cảnh quan thiên nhiên vào thiết kế đô thị. Tại Hà Nội, người Pháp đã chuyển hóa một thành thị phương Đông thành một đô thị thuộc địa phương Tây với mạng lưới cây xanh đường phố, hệ thống vườn hoa phân bố rộng khắp, đặc biệt vườn Bách Thảo được xây dựng phục vụ mục đích giải trí và nghiên cứu như một vườn ươm cây đô thị điển hình. Người Pháp cũng kiến tạo đô thị Sài Gòn với các đại lộ thẳng tắp rợp bóng cây, cùng các công viên lớn như Tao Đàn và Thảo Cầm Viên mang đậm bản sắc cảnh quan nhiệt đới. Những đóng góp cụ thể từ việc trồng cây xanh đường phố theo quy hoạch, xây dựng hàng chục vườn hoa, công viên, đến ban hành các quy định quản lý cây đô thị tiên phong, đã đặt nền móng cho tiến trình xanh hóa và để lại một di sản cảnh quan bền vững ở các đô thị của Việt Nam.

Khía cạnh “di sản cảnh quan Pháp” được thể hiện rõ nét qua sự tồn tại và dấu ấn của mạng lưới không gian xanh đô thị thời thuộc địa, từ công viên, vườn hoa

đến các đại lộ rợp bóng cây, tiếp tục giữ vai trò nền tảng trong cấu trúc cảnh quan đô thị hiện đại. Các hàng cây cổ thụ trên trăm tuổi ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh vẫn tiếp tục góp phần tạo bóng mát, cải thiện vi khí hậu và duy trì bản sắc cảnh quan. Những công viên lịch sử, tiêu biểu như Thảo Cầm Viên không chỉ hoạt động như một không gian giải trí công cộng mà còn là di tích sống về khoa học thực vật và quy hoạch cảnh quan thời thuộc địa. Di sản này tồn tại không chỉ ở dạng vật thể mà còn thấm sâu vào nếp sống và tư duy quy hoạch đô thị của người Việt. Sau năm 1954, mặc dù trải qua chiến tranh và nhiều biến động, các đô thị Việt Nam vẫn tiếp tục mở rộng và củng cố hệ thống không gian xanh theo tinh thần mà người Pháp khởi xướng: đề cao sự hài hòa giữa kiến trúc và thiên nhiên, duy trì công viên và vườn hoa như bộ phận không thể thiếu của cấu trúc đô thị. Tiến trình xanh hóa đô thị Việt Nam vì thế mang tính kế thừa sáng tạo, tiếp nhận di sản và cải biến để phù hợp với bối cảnh kinh tế xã hội mới. Nếu công viên thời thuộc địa chủ yếu phục vụ cộng đồng người Âu và tầng lớp thượng lưu, thì ngày nay đã trở thành tài sản chung của toàn thể cư dân đô thị. Một số loài cây ngoại lai được du nhập trong giai đoạn thuộc địa nay được cộng đồng trân quý, bảo tồn như những chứng nhân lịch sử của quá trình hình thành và phát triển đô thị Việt Nam.

Di sản cảnh quan Pháp trong tiến trình xanh hóa đô thị Việt Nam không chỉ giới hạn trong giai đoạn thuộc địa mà còn tiếp tục hiện diện và phát huy vai trò bản sắc đô thị cho tương lai. Những hàng cây và vườn hoa, công viên do người Pháp kiến tạo đã trở thành thành tố di sản đô thị, góp phần định hình bản sắc cảnh quan của Hà Nội, Sài Gòn và nhiều thành phố khác. Tiến trình xanh hóa đô thị Việt Nam, khởi nguồn từ cảm hứng

phương Tây, ngày nay đã mang đậm dấu ấn bản địa với sự kết hợp hài hòa giữa trật tự hình thức và vẻ đẹp tự nhiên nhiệt đới, giữa giá trị di sản lịch sử và nhu cầu phát triển hiện đại. Trong bối cảnh đô thị Việt Nam đang đối diện với những thách thức mới

của thế kỷ XXI, vấn đề nhận diện, bảo tồn và sáng tạo tiếp nối di sản cảnh quan Pháp không chỉ là hành động gìn giữ kỷ ức đô thị, mà còn là chìa khóa để kiến tạo những thành phố xanh, bền vững và giàu bản sắc cho các thế hệ mai sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ánh, T. H. (2015). Một thời “thành phố trong vườn cây” của Hà Nội. <https://www.tapchikientruc.com.vn/chuyen-muc/mot-thoi-thanh-pho-trong-vuon-cay-cua-ha-noi-5.html>. Truy cập tháng 8/2025.

Chu, H. M., & Golosova, E. V. (2020). Influence of French garden culture on urban greening in Vietnam. *Landscape Architecture in the of Globalization Era* (4), 32–42. <https://doi.org/10.37770/2712-7656-2020-4-32-42> (Regional public organization “Moscow Association of Landscape Architects” (ROO «MOLA»))

Gwendolyn, W. (1991). *The politics of design in French colonial urbanism*. Chicago: University of Chicago press.

Hạnh, T. N. (2015). Công viên cây xanh thành phố Hồ Chí Minh: Sự hình thành, xu hướng sử dụng, phát triển và các vấn đề tồn tại. *VNU Journal of Science: Social Sciences and Humanities*, 31(3).

Papin, P. (2001). *Histoire de la ville de Hanoi*. Fayard.

Ren, X., Le, T. H. L., & Doan, T. T. (2024). The history of urban green space system planning in the capital city of Hanoi, Vietnam (1886–2011). *International Planning History Society Proceedings*, 20, 1431–1446. <https://doi.org/10.7480/iphs.2024.1.7658>

Tâm, N. T. T. (2022). Quá trình đô thị hóa ở Sài Gòn–Chợ Lớn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, 19(4), 640–652. <https://doi.org/10.54607/hcmue.js.19.4.3400>

Trần, H. Q. (2017). *Hạ tầng đô thị Sài Gòn buổi đầu*. TP. Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

Tran, K. (2023). Development of urban green spaces in Vietnam: from garden design to sustainable landscape architecture. The University of Western Australia.